

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**
Số:2505TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đăk Nông, ngày 30 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH

Đề nghị thông qua dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Kế hoạch số 05/KH - HĐND ngày 25/3/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông, về việc Tổ chức Kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh Khóa III, nhiệm kỳ 2016-2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4 của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông, cụ thể như sau:

I. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018 -2020; Căn cứ Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Chương trình Giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn

ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông.

II. Sự cần thiết của Nghị quyết

Ngày 26/7/2017, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND, quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông. Trong đó, có xác định hệ số, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển của Chương trình 30a nhưng không xác định hệ số, định mức phân bổ vốn sự nghiệp chương trình 30a. Lý do không xác định hệ số, định mức phân bổ vốn sự nghiệp Chương trình 30a: Khi xây dựng Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND thì trên địa bàn tỉnh đang thực hiện theo Quyết định số 615/QĐ-TTg ngày 25/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ, về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho 07 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo. Theo đó, Đăk Nông có huyện Đăk Glong được hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng (vốn đầu tư). Ngày 07/3/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020. Theo đó, từ năm 2018 trở đi tỉnh Đăk Nông sẽ được Trung ương phân bổ vốn sự nghiệp Chương trình 30a để thực hiện trên địa bàn 02 huyện Đăk Glong và Tuy Đức.

Để có cơ sở phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cho các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao trong những năm tiếp theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, để kịp thời phân bổ hợp lý, công bằng và sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, việc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4 của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông là thực sự cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

III. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Nghị quyết được xây dựng là cơ sở xác định tiêu chí và định mức phân bổ vốn nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch.

- Quan điểm xây dựng Nghị quyết là bảo đảm thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn

đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 là phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

IV. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu các văn bản pháp lý có liên quan tổ chức xây dựng Tờ trình đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến.

Sau khi có ý kiến đồng ý xây dựng Nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức xây dựng Tờ trình, dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Tờ trình, dự thảo Nghị quyết gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương xin ý kiến, đồng thời đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và thực hiện tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định; tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, chỉnh sửa, hoàn thiện và trình UBND tỉnh xem xét, thông qua.

Ngày 23/5/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức họp xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết thông qua việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông.

V. Nội dung Nghị quyết

Nghị quyết bao gồm 2 Điều, trong đó:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4 của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND:

“1. Dự án 1: Chương trình 30a

a) Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao áp dụng cơ chế theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP (đã được quy định tại Khoản 1, Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND).

b) Tiêu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo (kinh phí sự nghiệp).

- Tiêu chí và hệ số xác định mức vốn phân bổ cho Tiêu dự án 3: Áp dụng theo tiêu chí và hệ số của Tiêu dự án 1, Dự án 1 - Chương trình 30a.

- Định mức phân bổ:

Tổng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn một huyện được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo theo Nghị quyết 30a = A x X.

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện.

X: Tổng các hệ số theo các tiêu chí quy định tại Tiêu dự án 1 của Dự án 1 - Chương trình 30a (đã được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND).

- Phương pháp tính vốn phân bổ: Như cách tính đối với Tiêu Dự án 1 - Chương trình 30a (đã được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND).

c) Tiêu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (kinh phí sự nghiệp).

- Tiêu chí và hệ số xác định mức vốn phân bổ thực hiện Tiêu dự án 4, Dự án 1 - Chương trình 30a như sau:

Nội dung tiêu chí	Hệ số
Tỷ lệ hộ nghèo	
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 40%	0,5
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 40% đến dưới 45%	0,55
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% trở lên	0,6
Quy mô hộ nghèo	
Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 5.000 hộ	0,5
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 5.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.500 hộ trở lên	0,7

- Định mức phân bổ: Căn cứ mức vốn bình quân bố trí thực hiện tiêu dự án 4 của Trung ương cho các tỉnh, tình hình thực tế nhiệm vụ thực hiện và khả năng cân đối ngân sách trung ương và của tỉnh, phân bổ kinh phí cho cấp huyện như sau:

- Tổng vốn bố trí cho 01 huyện = B x X

Trong đó:

B: Định mức bình quân cho một huyện nghèo

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí: hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả tổ chức thực hiện.

2. Giao Thưởng trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Trên đây là Tờ trình về việc đề nghị thông qua dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4 của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./..

Noi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX_(vn).

12

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bốn

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018 -2020;

Xét Tờ trình số..../TTr-UBND ngày..../....2019 của UBND tỉnh, về việc đề nghị thông qua Nghị quyết bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017, quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông; Báo cáo thẩm tra số..../BC-HĐND ngày..../....2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4 của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu

quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND:

“1. Dự án 1: Chương trình 30a

a) Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao

Áp dụng cơ chế theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP (đã được quy định tại Khoản 1, Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND).

b) Tiêu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo (kinh phí sự nghiệp)

- Tiêu chí và hệ số xác định mức vốn phân bổ cho Tiêu dự án 3: Áp dụng theo tiêu chí và hệ số của Tiêu dự án 1, Dự án 1 - Chương trình 30a.

- Định mức phân bổ:

Tổng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn một huyện được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a = A x X.

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện.

X: Tổng các hệ số theo các tiêu chí quy định tại Tiêu dự án 1 của Dự án 1 - Chương trình 30a (đã được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND).

- Phương pháp tính vốn phân bổ: Như cách tính đối với Tiêu Dự án 1 - Chương trình 30a (đã được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND).

c) Tiêu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (kinh phí sự nghiệp)

- Tiêu chí và hệ số xác định mức vốn phân bổ thực hiện Tiêu dự án 4, Dự án 1 - Chương trình 30a như sau:

Nội dung tiêu chí	Hệ số
Tỷ lệ hộ nghèo	
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 40%	0,5
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 40% đến dưới 45%	0,55
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% trở lên	0,6
Quy mô hộ nghèo	
Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 5.000 hộ	0,5
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 5.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.500 hộ trở lên	0,7

- Định mức phân bổ: Căn cứ mức vốn bình quân bố trí thực hiện tiêu dự án 4 của Trung ương cho các tỉnh, tình hình thực tế nhiệm vụ thực hiện và khả năng cân đối ngân sách trung ương và của tỉnh, phân bổ kinh phí cho cấp huyện như sau:

- Tổng vốn bố trí cho 01 huyện = $B \times X$

Trong đó:

B: Định mức bình quân cho một huyện nghèo

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí: Hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả tổ chức thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa III, kỳ họp thứ 8 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2019./.

Noti nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đăk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Trung tâm lưu trữ lịch sử - Sở Nội Vụ;
- Lưu: VT, phòng CT.HĐHD.

CHỦ TỊCH

Lê Diễn

Tài liệu tham khảo

PHỤ LỤC

Về các tiêu chí, nguyên tắc, định mức phân bổ nguồn vốn Chương trình MTQG giảm

STT	Đơn vị hành chính	Quy mô dân số (hộ)	Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số (%)	Quy mô hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
A	B	2		3	4
I	Huyện Đăk Glong				
1	Xã Đăk Plao	703	84,50	415	59,03
2	Xã Đăk Som	2.140	77,43	1.185	55,37
3	Xã Quảng Khê	2.947	31,69	1.095	37,16
4	Xã Quảng Sơn	4.353	51,67	1.942	44,61
5	Xã Quảng Hòa	1.369	84,37	932	68,08
6	Xã Đăk R'Măng	1.550	83,42	954	61,55
7	Xã Đăk Ha	2.831	41,12	1.353	47,79
II	Huyện Tuy Đức				
1	Xã Quảng Tân	3.053	27,91	1.435	47,00
2	Xã Đăk R'Tih	2.331	58,56	958	41,10
3	Xã Quảng Tâm	1.445	24,15	648	44,84
4	Xã Đăk Búk So	2.644	16,79	682	25,79
5	Xã Quảng Trực	2.219	47,50	1.329	59,89
6	Xã Đăk Ngo	2.406	56,98	1.497	62,22
III	Huyện Đăk Mil				
1	TT. Đăk Mil	2.898	3,83	16	0,55
2	Xã Thuận An	2.723	27,65	34	1,25
3	Xã Đăk Săk	3.643	8,73	139	3,82
4	Xã Đăk Găñ	2.104	33,03	193	9,17
5	Xã Đăk R'La	2.886	37,08	95	3,29
6	Xã Đăk Lao	2.035	6,04	36	1,77
7	Xã Đức Mạnh	3.770	2,07	64	1,70
8	Xã Đức Minh	3.818	7,49	111	2,91
9	Xã Đăk N'Drot	1.970	59,75	114	5,79
10	Xã Long Sơn	399	92,48	46	11,53
IV	Huyện Krông Nô				
1	Xã Đăk Sôr	1135	35,86	115	10,13
2	Xã Nâm N'Dir	2037	60,87	135	6,63
3	Xã Đăk Nang	1108	40,79	189	17,06
4	Xã Đức Xuyên	984	5,49	52	5,28
5	Xã Tân Thành	913	52,46	51	5,59
6	Xã Đăk DRô	2231	28,15	148	6,63
7	Xã Nam Đà	2793	8,59	121	4,33
8	Xã Nâm Nung	1745	42,98	212	12,15

STT	Đơn vị hành chính	Quy mô dân số (hộ)	Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số (%)	Quy mô hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
A	B	2		3	4
9	Xã Quảng Phú	1763	46,85	273	15,48
10	Xã Buôn Chóah	586	64,51	99	16,89
11	Xã Đăk Mâm	1885	18,36	90	4,77
12	Xã Nam Xuân	1603	74,86	147	9,17
V	Huyện Đăk R'Lấp				
1	Xã Kiến Đức	2.997	6,21	57	1,9
2	Xã Kiến Thành	1.779	1,69	92	5,2
3	Xã Đăk Wer	1.991	19,74	122	6,1
4	Xã Nhân Cơ	2.471	12,42	37	1,5
5	Xã Nhân Đạo	1.315	9,28	70	5,3
6	Xã Nghĩa Thắng	1.994	8,07	105	5,3
7	Xã Đạo Nghĩa	1.313	1,98	28	2,1
8	Xã Đăk Sin	1.871	7,38	128	6,8
9	Xã Hưng Bình	956	21,34	92	9,6
10	Xã Quảng Tín	2.344	29,27	130	5,5
11	Xã Đăk Ru	2.250	26,36	153	6,8
VI	Huyện Đăk Song				
1	Xã Đăk Hòa	1.016	2,07	69	6,79
2	Xã Đăk Mol	1.646	38,03	123	7,47
3	Xã Đăk N'Drung	2.835	27,55	343	12,10
4	Xã Nam Bình	2.977	2,25	127	4,27
5	Xã Năm N'Jang	2.838	9,23	123	4,33
6	Xã Thuận Hà	1.612	26,30	83	5,15
7	Xã Thuận Hạnh	2.422	3,14	116	4,79
8	Xã Trường Xuân	3.897	23,04	508	13,00
9	TT. Đức An	1.439	1,95	115	8,00
VII	Huyện Cư Jut				
1	TT Ea T'ling	3.871	17,00	314	8,11
2	Xã Tâm Thắng	3.021	27,14	143	4,73
3	Xã Nam dong	4.283	29,26	163	3,81
4	Xã EaPô	2.794	65,78	288	10,31
5	Xã Đăk Wil	2.060	59,95	198	9,61
6	Xã Đăk Drông	3.399	84,35	198	5,83
7	Xã Cư Knia	1.831	72,97	123	6,72
8	Xã Trúc Sơn	765	21,05	50	6,54
VIII	Thị xã Gia Nghĩa				
1	Xã Quảng Thành	1.397	19,61	4	0,29
2	Xã Đăk Nia	2.375	32,00	37	1,56
3	Xã Đăk R'Moan	1.472	13,59	0	0,00

STT	Đơn vị hành chính	Quy mô dân số (hộ)	Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số (%)	Quy mô hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
A	B	2		3	4
4	P. Nghĩa Phú	1.620	5,19	8	0,49
5	P. Nghĩa Tân	2.181	8,02	6	0,28
6	P. Nghĩa Thành	3.045	2,00	3	0,10
7	P. Nghĩa Đức	1.898	4,48	7	0,37
8	P. Nghĩa Trung	2.871	3,87	4	0,14

Tài liệu tham khảo

PHỤ LỤC

Về các tiêu chí, nguyên tắc, định mức phân bổ nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo

Các tiêu chí phân bổ vốn							
Số thứ tự	Huyện, thị xã	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Quy mô hộ nghèo (hộ)	Quy mô dân số (hộ)	Dân tộc thiểu số (hộ)	Điện tích đất tự nhiên (km ²)	Đơn vị hành chính (xã, phường, thị trấn)
1	Cư Jút	6,71	1.477	22.024	10.168	718,9	1 thị trấn, 7 xã
2	Krông Nô	8,69	1.632	18.783	7.000	804,8	1 thị trấn, 11 xã
3	Đăk Mil	3,23	848	26.246	4.980	682,7	1 thị trấn, 9 xã
4	Đăk Song	7,77	1.607	20.682	3.183	807,8	1 thị trấn, 8 xã
5	Đăk R'Lấp	4,76	1.014	21.281	2.846	634,2	1 thị trấn, 10 xã
6	Đăk Glong	49,56	7.876	15.893	9.046	1.448,8	7 xã
7	Tuy Đức	45,97	6.547	14.242	5.474	1.123,3	6 xã
8	TX. Gia Nghĩa	0,41	69	16.859	1.750	286,6	5 phuường, 3 xã
	Tổng cộng	13,51	21.070	156.010	44.447	6.507	71 xã, phường, thị trấn

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý
Bổ sung quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017, quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Số	Đơn vị góp ý	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung góp ý và giải trình
1	Sở Tư pháp	413/STP-VBPPBL	17/4/2019	<p>Nội dung góp ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định lại tên gọi, nội dung dự thảo văn bản cho phù hợp hơn (<i>không phải bổ sung Nghị quyết mà là Quy định kèm theo Nghị quyết; xem xét kỹ nội dung bổ sung (điểm d và e – về vốn sự nghiệp) và Khoản 1, Điều 4 Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND đã phù hợp chưa? Các Điểm a, b, c đã phù hợp chưa (trước đây chỉ áp dụng cho Đắk Glong nay có thêm Tuy Đức; các số liệu tính toán đến ngày 31/12/2015,...).</i> Ngoài ra, cần nghiên cứu, đánh giá những bất cập, vướng mắc qua gần 02 năm thực hiện Nghị quyết này (<i>nhiều ý kiến đã nêu của các thành viên Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 3/2019</i>) và rà soát, cập nhật các văn bản Trung ương mới ban hành có liên quan để tham mưu sửa đổi, bổ sung một cách đầy đủ, phù hợp hơn. - Kỹ thuật trình bày văn bản cần thực hiện theo đúng quy định tại Điều 62, Điều 77, Điều 78,... Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. - Về hồ sơ, thủ tục xây dựng Nghị quyết: + Đề nghị thực hiện đúng quy định tại điểm a, điểm c tiêu mục 3 mục II Kế hoạch 176/KH-UBND ngày 03/4/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện các nội dung trình HĐND tỉnh Khóa III tại kỳ họp thứ 8.

			+ Việc tổ chức lấy kiến càn thực hiện theo yêu cầu của UBND tỉnh tại tiêu mục 2 mục III Kế hoạch 176/KH-UBND ngày 03/4/2019 của UBND; “2. Trường hợp trong thời hạn quy định tại Kế hoạch này không đủ khoảng thời gian để lấy ý kiến các đối tượng có liên quan theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan soạn thảo tổng hợp ý kiến đến thời điểm gửi hồ sơ; đồng thời, tổng hợp, báo cáo bổ sung các ý kiến dân đến thay đổi nội dung đã trình (nếu có) ngay sau khi thời hạn lấy ý kiến”.
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	757/SKHBT-QLN 16/4/2019	<p>Nội dung góp ý:</p> <p>- Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách Trung ương và tỷ lệ đối ứng Nhà nước thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 để bổ cục dự thảo và xác định mức vốn phân bổ cho hợp lý, cụ thể tại Điều 4, nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh nên sửa đổi bổ cục thành:</p> <p>1. Dự án 1: Chương trình 30a</p> <p>1.1. Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ Đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo.</p> <p>1.2. Tiểu Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo (kinh phí sự nghiệp)</p> <p><u>Giải trình:</u> Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa theo các nội dung góp ý.</p>
	Sở Tài chính	828/STC-QLNS 18/4/2019	<p>- Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Đăk Glong đang gặp vướng mắc trong việc triển khai thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo (Tiểu dự án 3, Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020) trên địa bàn các huyện</p>

				thuộc Chương trình 30a, nguyên nhân do HĐND tỉnh chưa quy định mức hỗ trợ cho trường hợp này. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, xây dựng bổ sung định mức hỗ trợ cho Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các huyện thuộc Chương trình 30a vào Dự thảo Nghị quyết.
3				<u>Giải trình:</u> Từ lý do trên, Cơ quan soạn thảo mới xây dựng dự thảo Nghị quyết bổ sung.
4	Ban Dân tộc tỉnh	198/BDT-NV	12/4/2019	Thống nhất với các nội dung của bản Dự thảo
5	Sở Xây dựng	673/SXD-HTKT&QLN	17/4/2019	Thống nhất với các nội dung của bản Dự thảo
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	799/SNN-PTNT	18/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản Dự thảo
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	409/SVHTTDL-VP	11/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản Dự thảo
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	742/SGDĐT-TCCB- TC	11/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản Dự thảo
9	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	70/PPTH-TCHC	11/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản Dự thảo
10	Bệnh viện đa khoa tỉnh	147/BVT-KHHT	17/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản Dự thảo
11	Sở Giao thông vận tải	670/GTVT-KHTC	12/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản Dự thảo

12	Sở Khoa học và Công nghệ	215/SKHCN-WP	17/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản Dự thảo
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	721/STNMT-QHGD	17/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản Dự thảo
14	UBND huyện Đăk Glong	1097/UBND-LĐTBXH	18/4/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Tại phần 2, điều 2 của dự thao Nghị quyết bổ sung, sửa lỗi chính tả “địa biếu...” thành “đại biếu...” - Thống nhất với các nội dung khác của bản Dự thảo.
16	UBND thị xã Gia Nghĩa	560/UBND-LĐTBXH	12/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản Dự thảo
17	UBND huyện Cư Jút	59/CV-LĐTBXH	12/4/2019	Về cơ bản thống nhất với nội dung của bản Dự thảo
18	UBND huyện Đăk R'Lấp	529/UBND-VX	17/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản Dự thảo
19	Phòng Lao động - TB&XH huyện Đăk Mil	30/LĐTBXH	16/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản Dự thảo

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết bổ sung Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017, quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông

Thực hiện quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Sở Lao động, Thương binh & Xã hội tại Công văn số 724/SLĐTBXH-BTXH&PCTN ngày 24/4/2019 về việc thẩm định hồ sơ Dự thảo Bổ sung Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông.

Sở Tư pháp tiến hành thẩm định dự thảo Nghị quyết nêu trên với các nội dung sau:

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh; tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và sự phù hợp của nội dung dự thảo với các văn bản có liên quan

Sở Lao động, Thương binh & Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết bổ sung Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 là phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.

Nội dung dự thảo Nghị quyết cơ bản phù hợp với các văn bản có liên quan như: Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018 – 2020; Quyết định 1722/QĐ-TTg năm 2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu

quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Tuy nhiên, để nội dung dự thảo được hoàn thiện, phù hợp hơn, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, chỉnh lý các nội dung sau đây:

- Về tên gọi của Nghị quyết: Cần sửa lại tên gọi của Nghị quyết cho phù hợp với nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung (*nêu dưới đây*) và quy định tại Mẫu số 36 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, như sau:

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông**

- Phần căn cứ pháp lý: Bỏ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP vì không cần thiết (đã có căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015); Bỏ căn cứ Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND vì không phù hợp theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực...*). Đồng thời, bổ sung vào phần căn cứ: “*Thực hiện Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018 – 2020*” cho đầy đủ hơn.

- Đối với nội dung tại Điều 1 dự thảo:

+ Cơ quan soạn thảo quy định bổ sung các điểm d, e vào khoản 1 Điều 4 (về Dự án 1) là chưa chính xác vì nội dung tại khoản 1 Điều 4 không có quy định về Tiểu dự án 1 mà quy định chung là Dự án 1. Do đó, để thống nhất và phù hợp với quy định của Trung ương theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 và Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg (các dự án thành phần của Chương trình bao gồm có 5 dự án lớn, trong đó Dự án 1 - Chương trình 30a, gồm có 4 tiểu dự án (*Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo; Tiểu dự án 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; Tiểu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi*

(làm việc có thời hạn ở nước ngoài)) cần sửa đổi cả tiêu đề khoản 1 Điều 4 và bổ cục lại theo hướng:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND:

“1. Dự án 1: Chương trình 30a

a) Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo....

.....
b) Tiêu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo....

.....
c) Tiêu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài....

Trong đó: điểm b và điểm c là phần bổ sung thêm còn điểm a là khoản 1 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND.

+ Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của từng Tiêu dự án: Tại khoản 1 Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg đã nêu cụ thể do đó không nên quy định lại để tránh chồng chéo, trùng lặp.

+ Tại gạch đầu dòng thứ 3 về tiêu chí và hệ số xác định mức vốn phân bổ cho Tiêu dự án 3 của dự thảo quy định: “*Tiêu chí và hệ số xác định mức vốn phân bổ cho Tiêu dự án 3: Áp dụng theo tiêu chí và hệ số của Tiêu dự án 1, Dự án 1 - Chương trình 30a.*” cần cân nhắc thêm cho phù hợp (đối chiếu thêm điểm c khoản 1 Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg).

+ Về định mức phân bổ tại gạch đầu dòng thứ 4 Tiêu dự án 3 dự thảo quy định: “*Tổng vốn hỗ trợ... theo Nghị quyết 30a= A x X*” trong khi đó theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Quyết định số 275/QĐ-TTg quy định “*định mức hỗ trợ bằng 70% so với các huyện nghèo thuộc Nhóm 1 (theo quy định tại Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg)*” do đó, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu quy định lại cho chính xác.

+ Về phương pháp tính vốn phân bổ tại gạch đầu dòng thứ 5 Tiêu dự án 3 dự thảo quy định: “*Như cách tính đối với Dự án 1- Chương trình 30a*” nhưng nội dung Dự án 1 gồm nhiều tiêu dự án và mỗi tiêu dự án có một cách tính phân bổ khác nhau, do đó cần nghiên cứu quy định cho chính xác hơn.

+ Tại gạch đầu dòng thứ 3 của Tiêu dự án 4 dự thảo: cần bỏ đoạn “Áp dụng theo Bảng 2. Bảng 2. Tiêu chí và hệ sốChương trình 30a” cho phù hợp, chính xác hơn (*xem lại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND có đánh số thứ tự các bảng không?*).

Tóm lại, cơ quan soạn thảo cần rà soát lại toàn bộ nội dung khoản 1 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND và đổi chiểu với khoản 1 Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg để bảo đảm việc quy định về tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối với các Tiêu dự án 1, 3 và 4 của địa phương phù hợp với văn bản Trung ương và thực tiễn địa phương.

- Đối với nội dung tại Điều 2 dự thảo:

+ Cần viết lại tên điều thành “**Tổ chức thực hiện**” cho chính xác, phù hợp hơn.

+ Tại khoản 1 cần bỏ đoạn: “Trong quá trình triển khai thực hiện,... giao UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh quyết định và báo cáo với HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất” cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số hoạt động của HĐND (phải được xem xét, quyết định thông qua kỳ họp bất thường của HĐND).

+ Tại khoản 2 cần bổ sung việc giám của Tổ đại biểu HĐND tỉnh cho đầy đủ hơn.

2. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan soạn thảo cần rà soát kỹ lại toàn bộ lỗi chính tả cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (trình bày theo **Mẫu số 36 Phụ lục I**). Cụ thể:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Căn cứ được trình bày theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP “3. Căn cứ ban hành văn bản được thể hiện bằng chữ in thường, **kiểu chữ nghiêng**, **cỡ chữ 14**, trình bày dưới phần tên của văn bản; sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, cuối dòng có dấu chấm phẩy (;), **dòng cuối cùng kết thúc bằng dấu chấm (.)**”. Theo đó, căn cứ cuối cùng viết chính xác như sau:

“Xét Tờ trình số...; Báo cáo thẩm tra...; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.”.

- Không in đậm tiêu đề của các điểm.

- Tại Điều 1: cần bổ sung dấu đóng ngoặc kép (”) đối với phần kết thúc nội dung văn bản được sửa đổi, bổ sung.

- Đánh số thứ tự trang văn bản theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt cạnh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. Số trang của phụ lục được đánh số riêng theo từng phụ lục*).

- Tại mục nơi nhận: sửa “Chi cục lưu trữ” thành “Trung tâm lưu trữ lịch sử - Sở Nội vụ” cho chính xác. Đồng thời, thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP “...riêng dòng cuối cùng gồm chữ “Lưu”, sau đó có dấu hai chấm (:), tiếp theo là chữ viết tắt “VT” (văn thư), dấu phẩy, chữ viết tắt tên đơn vị (hoặc bộ phận) soạn thảo văn bản và số lượng bản lưu được đặt trong ngoặc đơn, dấu chấm (.), viết tắt tên người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành, cuối cùng là dấu chấm (.”).

b) Đối với dự thảo Tờ trình

Nội dung Tờ trình cần trình bày theo Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; bổ sung nơi nhận gửi “Sở Tư pháp” cho đầy đủ.

3. Kết luận chung

Việc tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND là đúng thẩm quyền và cần thiết. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, chỉnh sửa lại dự thảo theo mục 1, 2 của Báo cáo thẩm định này trước khi trình UBND, HĐND tỉnh thông qua theo đúng quy định.

Trên đây là nội dung Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (t/h);
- GĐ, PGĐ Sở (Đ/c Hiếu);
- VP Sở (đưa lên Website của Sở);
- Lưu: VT, VBPBPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Người ký: Sở Tư pháp
Email:
v.vn
Cơ quan: Tỉnh
Đăk Nông
Thời gian ký:
16.05.2019
16:12:05 +07:00


Nguyễn Trung Hiếu



UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 757/SKH-QLN

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết sửa
đổi một số điều tại Nghị quyết số
03/2017/NQ-HĐND ngày
26/7/2017 của HĐND tỉnh

Đăk Nông, ngày 16 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: Sở Lao động- Thương binh và Xã hội.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Công văn số 619/LĐTBXH-LĐTLBHXH ngày 10/4/2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số điều tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh. Sau khi nghiên cứu, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

Cơ quan soạn thảo nên căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TT ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách Trung ương và tỷ lệ đối ứng nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 để bố cục dự thảo và xác định mức vốn phân bổ cho hợp lý, cụ thể tại điều 4, Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh nên sửa đổi bố cục thành:

1. Dự án 1: Chương trình 30a

1.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo.

1.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo (kinh phí sự nghiệp).

1.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (kinh phí sự nghiệp).

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư, đề nghị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp chung./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, QLN.



Sở Kế
hoạch và
Đầu tư
skhdt@dak
nong.gov.vn
16.04.2019
13:50:22
+07:00

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Dưỡng

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 628/STC-QLNS

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đăk Nông, ngày 18 tháng 04 năm 2019

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Sở Tài chính nhận được đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại: Công văn số 578/LĐTBXH-BTXH&PCTN ngày 03/04/2019 về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh; Công văn số 619/LĐTBXH-BTXH&PCTN ngày 10/04/2019 về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/07/2017 của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính cơ bản thống nhất với nội dung các Dự thảo Nghị quyết do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì soạn thảo. Tuy nhiên, để việc ban hành chính sách trên địa bàn tỉnh được thống nhất và đồng bộ, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

I. Góp ý sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh

1. Đối với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh. Sở Tài chính đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu lại việc không đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành thêm chính sách vào Nghị quyết như sau:

- Đối với chính sách “*Hỗ trợ 100% mệnh giá mua thẻ bảo hiểm y tế theo loại hình bảo hiểm y tế tự nguyện trong thời gian 36 tháng*”: Hiện nay, cơ quan bảo hiểm xã hội chưa thống kê được số lượng hộ nghèo thoát nghèo nên chưa dự báo được nguồn ngân sách địa phương phải đảm bảo cho chính sách này; mặt khác, Sở Tài chính đang trình dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh, vì vậy để tránh trùng lặp về đối tượng thụ hưởng và để đảm bảo công bằng cho một số nhóm đối tượng khác có nguyện vọng được hỗ trợ mua BHYT nhưng không được hỗ trợ, đề nghị cơ quan soạn thảo không quy định nội dung này trong Dự thảo.

- Đối với chính sách “*Hỗ trợ chi phí học tập... Các chính sách hỗ trợ giáo dục được thực hiện trong 03 năm học liên tục sau khi hộ thoát nghèo*”: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang triển khai thực hiện các chính sách về hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em, học sinh, sinh viên, học viên tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg, ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục đại học; Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 06/9/2016 của HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đăk Nông từ năm học 2020-2021; Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn. Do đó, để tránh trùng lặp nội dung chính sách giữa Trung ương và địa phương, đề nghị cơ quan soạn thảo không quy định nội dung này.

- Đối với nội dung chính sách “*Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh tại ngân hàng chính sách xã hội đối với hộ mới thoát nghèo, thời gian hỗ trợ lãi suất 36 tháng*”: Liên quan đến nội dung hỗ trợ lãi suất thì hiện nay trên địa bàn tỉnh đang thực hiện chính sách “*Hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2015-2020*” được quy định tại Nghị quyết số 43/2014/NQ-HĐND ngày 18/12/2014 của HĐND tỉnh. Để đảm bảo công bằng và thống nhất trong việc hỗ trợ, đề nghị cơ quan soạn thảo không ban hành bổ sung chính sách này.

Trường hợp đề khuyễn khích, động viên kịp thời hộ mới thoát nghèo nêu gương điển hình và phong trào thoát nghèo, đảm bảo giảm nghèo bền vững. Sở Tài chính đề nghị cơ quan soạn thảo báo cáo UBND tỉnh giao các đơn vị đã và đang tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách nêu trên, nghiên cứu bổ sung vào các Nghị quyết đang thực hiện để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong việc triển khai thực hiện các chính sách trên địa bàn tỉnh.

2. Về nội dung “*Chính sách tăng mức hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015*”:

- Về tên chính sách: Đề nghị điều chỉnh tên chính sách như sau cho phù hợp, cụ thể “*Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông*”.

- Về đối tượng hỗ trợ: Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh chỉ quy định hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho 2 nhóm đối tượng là “*Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)*” và “*Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số*”, do đó đề nghị nêu rõ 2 nhóm đối tượng được áp dụng này trong nội dung Dự thảo.

3. Ngày 17/10/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. Đề nghị đơn vị nghiên cứu lại đối tượng quy định tại Điểm b, Khoản 2, Mục I, Phần thứ ba của Chương trình ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh để tránh sự trùng lặp,

chồng chéo đối tượng và chính sách của Trung ương ban hành tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

II. Góp ý đối với Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/07/2017 của HĐND tỉnh

Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Đăk Glong đang gặp vướng mắc trong việc triển khai thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo (Tiểu dự án 3, Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020) trên địa bàn các huyện thuộc Chương trình 30a, nguyên nhân do HĐND tỉnh chưa quy định mức hỗ trợ cho trường hợp này. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, xây dựng bổ sung định mức hỗ trợ cho Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các huyện thuộc Chương trình 30a vào Dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Tài chính, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, xem xét cân nhắc các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh các Dự thảo theo trình tự quy định./*mmt*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở NN&PTNT (đ/biết);
- UBND huyện Đăk Glong (đ/biết)
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLNS (V).

GIÁM ĐỐC

Người ký: Sở
Tài chính
Email:
stc@daknong.
gov.vn
Cơ quan: Tỉnh
Đăk Nông
Thời gian ký:
18.04.2019
16:52:51
+07:00

nata →
Nguyễn Văn Bi

